

Số: **293/2020/QĐST-HNGĐ**

Thanh Trì, ngày 21 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 419/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 09 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” của người yêu cầu:

1. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1982; cư trú tại: thôn V, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1990; cư trú tại: CC T, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Chị Đặng Thị H, cư trú tại: CC T, quận H, thành phố Hà Nội, anh Phạm Duy T, cư trú tại: thôn V, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, anh chị cùng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định việc dân sự về hôn nhân và gia đình theo khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự [1].

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 19/3/2008 của UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội thì anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/09/2020 và ngày 11/09/2020, cả hai anh chị xin được công nhận thuận tình ly hôn; thuận tình người nuôi dạy con cái; trợ cấp nuôi con chung là phù hợp với quy định của luật hôn nhân và gia đình [2].

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy T và chị Đặng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 19 tháng 3 năm 2008. Đây là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh chị sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng

bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và Tòa án hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau cả về kinh tế lẫn tình cảm. Nay anh Phạm Duy T và chị Đặng Thị H xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn; mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình Tòa án công nhận anh Phạm Duy T và chị Đặng Thị H thuận tình ly hôn [3].

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 04/04/2012. Ly hôn, anh chị thống nhất để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi có sự yêu cầu khác. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì chị H chưa có công ăn việc làm. Khi nào có điều kiện cấp dưỡng cho con chung thì anh chị tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản [4].

Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh chị không có nên không xem xét[5].

Về công nợ chung: Anh T, chị H khẳng định vợ chồng không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người nào yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung của chúng tôi thì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật [6].

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và tự nguyện sung công quỹ 150.000đồng chị đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì[7].

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy T và Chị Đặng Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Duy T được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh Khôi, sinh ngày 04/4/2012 đến khi cháu tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn đóng góp tiền trợ cấp nuôi con chung của chị H đến khi anh chị có thỏa thuận khác. Chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh chị xác nhận không có, nên Tòa án không xét.

4. Về công nợ chung: Anh chị khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, không cho ai vay mượn. Nếu sau khi ly hôn có người yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung của vợ chồng thì anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về lệ phí: Chị Đặng Thị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006828 ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, Hà Nội.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- Chi cục thi hành án huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Đỗ Văn Nghiêm